

Bản án số: 14/2021/HS-ST  
Ngày 10 - 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thế Tuấn và bà Hoàng Thị Tháo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Vi Thị Y (tên gọi khác: không) sinh ngày xx/xx/19xx tại xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 7/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn D (Đã chết) và bà Lô Thị T; có chồng là Nông Khắc N (Đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyên đơn dân sự: UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nông Văn Nguyên, Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền, bà Hoàng Thị Thu Nguyệt, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn, theo văn bản ủy quyền số 708/UBND-VP, ngày 06/4/2021 (Có mặt).

3. Người làm chứng:

- Anh Nông Văn C, sinh năm 19xx (Có mặt);

- Ông Hoàng Văn V (Vắng mặt);

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn G, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 19xx; trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2020, Hạt kiểm lâm huyện N và UBND xã X, huyện N tiến hành kiểm tra, xác minh khu rừng tự nhiên, sản xuất bị hủy hoại xảy ra tại thôn G, xã X, huyện N. Vị trí rừng bị phát phá thuộc thửa đất số 773, lô 12, tiểu khu 239 theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2018 xã X. Trạng thái rừng là rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất (GG1), chức năng rừng sản xuất. Thửa đất bị phát phá cũng chính là thửa số 773, diện tích 17.806m<sup>2</sup>, tờ bản số 02, loại đất rừng sản xuất có địa chỉ thôn G, xã X đã được cấp GCNQSDĐ số AM 223424 ngày 03/7/2009 cho hộ ông Nông Khắc N (Đã chết năm 2008) và bà Vi Thị Y. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc tại hiện trường có mặt Vi thị Y. Tổng diện tích bị chặt, phát, phá là 17.259m<sup>2</sup>; lâm sản bị thiệt hại gồm 253 (cây, khúc) gỗ tròn thông thường từ nhóm V- VIII có khối lượng 23,149m<sup>3</sup> và 75 cây thực vật rừng thân gỗ dạng củi. Tại buổi kiểm tra, xác minh, Yếu trình bày diện tích rừng bị chặt, phát, phá này là do Y trực tiếp thực hiện khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Tại thửa đất số 773, vào năm 2012, Vi Thị Y có được thiết kế trồng rừng với diện tích 01 ha theo hợp đồng số 140/2012/BCA/NR/ĐX/HĐTR. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng bà Y đã không triển khai việc trồng rừng trên thực tế. Do đó, không được nghiệm thu để trả tiền trồng rừng. Vì vậy, thửa đất 773, tờ bản đồ số 02 đất rừng sản xuất không có rừng trồng.

Ngày 16/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện N cùng với các cơ quan chức năng huyện N cùng có mặt Vi Thị Y tiến hành khám nghiệm hiện trường tại khu rừng do Y chặt, phát, phá. Phương tiện sử dụng đo diện tích chặt, phá bằng máy GPS-MAP78 của Hạt kiểm lâm huyện N, xác định: Hiện trường khám nghiệm tại thửa đất số 773, thuộc lô 12, tiểu khu 239 theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng năm 2018 xã X. Diện tích rừng bị chặt, phát, phá là 17.346m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất được cấp GCNQSDĐ như trên cho hộ gia đình Vi Thị Y; trên diện tích này phát hiện nhiều cây gỗ bị chặt hạ đổ theo nhiều hướng khác nhau; dấu vết chặt, cắt đã cũ, lá cây đang trong tình trạng héo khô. Tổng số gỗ bị thiệt hại trên diện tích này là 23,149m<sup>3</sup> từ nhóm V đến nhóm VIII và thiệt hại 9,5 Stes củi.

Ngày 08/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện ban hành yêu cầu định giá tài sản số 24, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N định giá đối với 23,149m<sup>3</sup> từ nhóm V đến nhóm VIII và 9,5 Stes củi. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24/KLĐGTS ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, kết luận: 23,149m<sup>3</sup> từ nhóm V đến nhóm VIII tại thời điểm bị xâm hại có tổng giá trị là 1.388.940,đ; 9,5 Stes củi có giá trị 285.000,đ. Toàn bộ vật chứng là lâm sản được giao cho UBND xã X và hạt kiểm lâm huyện N quản lý theo quy định. Trong quá trình xử lý vụ án, phát hiện số vật chứng là lâm sản để tại hiện trường bị người khác đốt cháy ngày 02/12/2020.

Ngày 02/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện cùng với các cơ quan chức năng huyện Na Rì tiến hành kiểm tra hiện trường xác định 23,149m<sup>3</sup> từ nhóm V đến nhóm VIII, đã bị đốt cháy nham nhở, không còn giá trị nên đã lập biên bản tiếp tục được giao UBND xã X và Trạm kiểm lâm Q, huyện N bảo quản, quản lý theo quy định; còn 9,5Stes củi đã bị đốt cháy hoàn toàn.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc dao quắm + 01 con dao liềm đều đã cũ và hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17/6/2020: 23,149m<sup>3</sup> từ nhóm V đến nhóm VIII và 9,5Stes củi đã giao cho UBND xã X và Hạt Kiểm lâm huyện N trông coi bảo quản theo quy định và ngày 02/12/2020 số vật chứng này đã bị đốt cháy nham nhở không còn giá trị sử dụng; còn 9,5 Stes củi bị đốt cháy hoàn toàn.

- 01 chiếc máy cưa xăng do Yên đã bán cho một người nam giới không quen biết sau khi phát, phá rừng xong nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại phiên tòa, Vi Thị Y khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của họ tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. Thời gian Y chặt, phát, phá rừng trên thửa đất số 773 vào khoảng thời gian từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 5/2020. Phương tiện sử dụng để chặt, phát, phá là bằng con dao quắm, dao dạng lưỡi liềm; diện tích rừng bị chặt, phát, phá là 17.346m<sup>2</sup>. Y dùng con dao quắm để chặt những cây gỗ nhỏ và thảm thực vật rừng, còn những cây gỗ to Y thuê em chồng là Nông Văn C dùng cưa xăng do Y chuẩn bị để thuê cắt 01 ngày. Trước khi chặt phát, phá rừng thì Y không xin phép và cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép vì cho rằng rừng đã được Nhà nước giao cho và mọi người trong thôn bản vẫn đi phát rừng. Khi phát rừng Y có thuê C, Y cũng không nói cho C biết diện tích rừng Y thuê C phát đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép hay chưa. Mục đích Y chặt, phát, phá rừng là để trồng cây mỡ, cây keo phát triển kinh tế gia đình. Khoảng đầu tháng 7/2020, Y đến chăm sóc mẹ đẻ tại xã D một thời gian, khi về nhà thì được chị Lô Thị Đ là người cùng thôn cho biết về việc rừng do Y Phát phá đã bị đốt cháy chứ không do Y đốt. Trên diện tích chặt phá, Y đã cho trồng cây keo và đã nộp tiền khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, Y đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn cho khoản tiền phạt bổ sung, miễn tiền án phí, không lấy lại 02 chiếc dao bị tạm giữ và giảm nhẹ mức hình phạt.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa: Anh Nông Văn C trình bày: Chị Y là chị dâu. C có được chị Y thuê chặt cây gỗ to 01 ngày trên diện tích đất rừng do Y chặt, phá. Khi được thuê, C không biết khu vực Y thuê chặt cây đã được Y xin phép hay đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép hay chưa.

Tại phiên tòa – ông Hoàng Văn Đ trình bày: Vi Thị Y có ký hợp đồng trồng rừng với ban quản lý trồng rừng huyện nhưng sau đó không thực hiện việc trồng rừng trên thực tế; diện tích rừng mà bị cáo đã phát phá là rừng tự nhiên sản xuất. Do vậy, năm 2020, bị cáo đi phát phá hơn 17.000m<sup>2</sup> thì ông không được biết và không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Trên diện tích đất được thiết kế trồng rừng, bà Y đã không phát thực bì và không trồng cây nên không được nghiệm thu năm 01. Do vậy, nhất trí với tội danh truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo. Đối với 23,149m<sup>3</sup> gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII để tại hiện trường đã bị đốt cháy nham nhở, hư hỏng, có giá trị thấp hơn so với chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí tổ chức đấu giá, còn 9,5Stes củi đã bị cháy hoàn toàn nên đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự về trách nhiệm bồi thường số tiền 1.650.000,đ cho nguyên đơn dân sự; về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vi Thị Y phạm "Tội hủy hoại rừng". Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b và s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS 2015), xử phạt Vi Thị Y từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự với bị cáo về mức bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy hai con dao và 23,149m<sup>3</sup> gỗ; tạm giữ số tiền 1.650.000,đ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo; miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn V vắng mặt. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vắng mặt anh V không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 293 của BLTTHS 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2020, Vi Thị Y đã có hành vi phát, phá 17.346m<sup>2</sup> đất rừng tự nhiên sản xuất thuộc thửa đất số 773, tờ bản đồ số 02

(Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 xã Đồng Xá là thửa đất số 773, lô 12, tiểu khu 239. Trạng thái rừng là rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất (GG1), chức năng rừng sản xuất). Việc phát phá rừng của bị cáo Y chưa được sự cho phép của cơ quan quản lý Nhà nước.

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành của "Tội hủy hoại rừng". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 243 BLHS 2015. Điều luật có nội dung: *"1. Người nào ...phá rừng trái phép hoặc có hành vi hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: ... đ. Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 50.000 mét vuông ( $m^2$ )....*

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, ...".*

Xét về các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; khi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu TNHS và phạm tội với lỗi cố ý; xâm phạm đến trật tự quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước được Luật hình sự bảo vệ; gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, môi trường tự nhiên và môi trường sống của con người.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; có nơi cư trú rõ ràng; tiền án, tiền sự: không và phạm tội lần đầu.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện trồng cây keo trên toàn bộ diện tích đất bị phát phá để khôi phục lại trạng thái rừng tự nhiên sản xuất theo luật bảo vệ và phát triển rừng và bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ đẻ là Lô Thị T được Ban chấp hành Trung ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong số 1xx NQ/TUĐTN ngày 05/7/20xx; cha đẻ là ông Vi Văn D được Hội đồng Nhà nước CHXHCN Việt Nam chứng nhận đã được thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 theo nghị quyết số 7xx KT/HĐNN ngày 15/8/19xx; có chồng là Nông Khắc N được Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang theo quyết định số 0x KT/CTN ngày 10/01/200xx nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b và s, khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2, Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào các tình tiết trên, tổng hợp các tình tiết của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà vẫn đảm bảo mục đích giáo dục bị cáo; đảm bảo phòng ngừa chung và phù hợp với quy định của Nhà nước nói chung và của tỉnh Bắc Kạn nói riêng về công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với người dân tộc thiểu số sống liền với rừng. Do vậy, áp dụng khoản 1 Điều 54 để quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình

phạt được áp dụng và Điều 65 của BLHS 2015 để xử phạt tù bị cáo, nhưng cho hưởng án treo; giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục, cải tạo bị cáo trong thời gian thử thách là phù hợp và có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Như đã nhận định ở trên, xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành án nên cần miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo là có cơ sở.

Đối với Nông Văn C, khi được bị cáo thuê đi chặt phá rừng 01 ngày, nhưng trước khi đi chặt các cây gỗ cho bị cáo thì giữa C và bị cáo không được bàn bạc trước với nhau và C cũng không biết việc bị cáo phát phá diện tích rừng nêu trên đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hay chưa. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện không xem xét xử lý đối với C là có căn cứ.

Đối với hành vi đốt cháy 23,149m<sup>3</sup> từ nhóm V đến nhóm VIII và 9,5Stes củi tại hiện trường, do chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi nêu trên, nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra diện tích rừng bị hủy hoại và số vật chứng để tại hiện trường bị đốt cháy. Sau khi vụ việc xảy ra thì Hạt kiểm lâm huyện N đã kịp thời báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các biện pháp quản lý, bảo vệ. Do đó hành vi của cá nhân, tổ chức liên quan không đủ yếu tố cấu thành tội phạm Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự với bị cáo đã thống nhất thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại do bị cáo gây ra với số tiền bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự là 1.650.000,đ. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của họ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc dao quắm + 01 con dao liềm là phương tiện phạm tội có giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn lập ngày 08 tháng 4 năm 2021.

- 23,149m<sup>3</sup> gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII đã bị đốt cháy nham nhở, đã bị hư hỏng, không còn giá trị, đã được nguyên đơn dân sự đề nghị tịch thu tiêu hủy. Hội đồng xét xử thấy rằng, số gỗ này vẫn để rải rác tại hiện trường, bị đốt cháy nham nhở, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng. Do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và UBND xã Đồng Xá, Trại kiểm lâm Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn lập ngày 02/12/2020.

- 9,5Stes củi đã bị cháy hoàn toàn và 01 chiếc máy cưa xăng do không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo đã nộp để khắc phục một phần hậu quả là 1.650.000,đ theo biên lai thu tiền số 01078 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5] Về án phí: Như đã nhận định ở trên, đồng thời bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên xét thấy cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Quan điểm truy tố; điều luật áp dụng; mức hình phạt và các biện pháp tư pháp của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm đ, khoản 2, Điều 243, Điều 46, 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54; Điều 65 của BLHS 2015; Điều 106, 136, khoản 1 Điều 293; 331, 333 của BLTTHS 2015. Điều 584, 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

[1] Về Tội phạm: Tuyên bố bị cáo Vi Thị Y (Tên gọi khác: Không có) phạm "Tội hủy hoại rừng".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vi Thị Y 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/6/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng biện pháp phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Vi Thị Y cho UBND xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/6/2021). Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn dân sự với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 1.650.000 (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo thỏa thuận cho UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 1.650.000 (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng cho UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai thu tiền tạm giữ số: 01078 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc dao găm + 01 con dao liềm;

Số lượng, tình trạng, đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn lập ngày 08 tháng 4 năm 2021.

- Tịch thu tiêu hủy: 23,149m<sup>3</sup> gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và UBND xã X, Trạm kiểm lâm Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn lập ngày 02/12/2020.

- 9,5 Stes củi đã bị cháy hoàn toàn và 01 chiếc máy cưa xăng do không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.


Tạm giữ số tiền 1.650.000 (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 01078 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, Nguyên đơn dân sự,;
- VKS huyện N;
- VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Phòng quản lý hồ sơ CA huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**TRẦN QUANG HÒA**